

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 05/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Mộng Dung - Bí thư Đoàn Thanh niên CSHCM phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc.

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi - Bí thư Đoàn Thanh Niên CSHCM, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/TLST - HS ngày 22 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T (T Còi), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995; nơi sinh: thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

Nơi cư trú: Tổ 05, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (chết) và bà Võ Thị Th (chết); chưa có vợ, con;

- Tiền án: Ngày 09/6/2014, bị Tòa án nhân dân H1ện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 08/9/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Không;

Bị tạm giam từ ngày 27/10/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963, nơi cư trú: Tổ 02, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Đông T1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 10, khóm L, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Em Huỳnh Quốc Th, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em Huỳnh Quốc Th: Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 08, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 26, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Anh Dương Văn L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 07, ấp C, xã T, thành phố D, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn Nh, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tấn Th1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 27, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/9/2017, Trần Văn Tr Nguyễn Đông T1, Huỳnh Thanh H và Huỳnh Quốc Th đi bộ đến khu vực tổ 2, khóm T, phường S, thành phố D để tìm T1 sản lấy trộm. Khi đến phủ thờ Bửu Sơn Kỳ Hương của ông Nguyễn Văn D, quan sát thấy miếu Quan Thánh không người trông giữ. T, H và Th đứng phía ngoài miếu (cách đó khoảng 05m) cảnh giới, T1 vào miếu lấy trộm 02 chân đèn bằng kim loại màu vàng (cao 38cm, hình tròn, chân đế tròn có đường kính 16cm, miệng chân đèn hình tròn đường kính

7,5cm, trọng lượng 02 cái chân đèn là 5,8kg) để trên bàn. T1 đưa 02 chân đèn cho T để vào trong áo khoác, cùng H và Th đem bán nhưng không có người mua nên mang giấu tại khu điều khắc (thuộc khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc). Đến sáng ngày 05/9/2017, T một mình đem 02 chân đèn và thuê ông B chạy xe ôm (không rõ họ, địa chỉ) chở đến bán cho ông Dương Văn L (nhà ở tổ 7, ấp C, xã T, thành phố D) với giá 550.000 đồng. Số tiền này, T trả tiền xe 150.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết. Ngày 06/9/2017, ông Nguyễn Văn D đến Công an phường Núi Sam trình báo sự việc và yêu cầu xử lý hình sự.

Trước đó, ngày 09/6/2014, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân H1ện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T1 sản*”. Đến ngày 08/9/2015 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Vật chứng thu giữ: 02 chân đèn của bộ lư bằng kim loại màu vàng, cao 38cm, hình tròn, chân đế tròn có đường kính 16cm, miệng chân đèn hình tròn có đường kính 7,5cm, trọng lượng 02 cái chân đèn 5,8kg, đã qua sử dụng. (Đã trả lại cho ông D).

Căn cứ Kết luận định giá T1 sản số 176/KL-ĐG, ngày 14/09/2017 của Hội đồng định giá T1 sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 02 chân đèn bằng kim loại màu vàng, trị giá 1.600.000 đồng.

Ngày 08/9/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Anh H1 (Lọt).

Cáo trạng số 07/VKS-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Nguyễn Văn T (T Còi) về tội “*Trộm cắp T1 sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ông Dương Văn L thừa nhận có mua của bị cáo 02 chân đèn của bộ lư bằng kim loại màu vàng giá 550.000 đồng, T1 sản đã giao trả lại cho người bị hại. Nay ông không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên cho ông.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các T1 liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù, giá trị T1 sản bị cáo đã chiếm đoạt dưới 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng bị cáo đã

từng có tiền án về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T1 sản*” và lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp T1 sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân Th1, bị cáo có một tiền án về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T1 sản*”. Do đó, đề nghị cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo còn khai nhận có đem một khay trầm đem bán nhưng không biết ở đâu H có, khi không có ai mua nên bị cáo ném bỏ. Vì vậy không có căn cứ xác định Ttrộm, cắp khay trầm, do trong quá trình điều tra H đã bỏ địa phương đi, không làm việc được.

Người xe ôm tên B không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Huỳnh Quốc Th, Nguyễn Đông T1 và Huỳnh Thanh T2 cùng thực hiện hành vi trộm cắp T1 sản nhưng giá trị T1 sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Cảnh sát Điều tra đề nghị Công an thành phố Châu Đốc ra Quyết định xử phạt hành chính.

Ông Dương Văn L khi mua T1 sản không biết do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ông D và ông L không yêu cầu không đề nghị.

Căn cứ nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định điểm đ, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo T.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T(TCòi): từ 09 tháng đến 01 năm về tội: “*Trộm cắp T1 sản*”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho ông D, không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại (D) và người có quyền và nghĩa liên quan (L) không có yêu cầu nên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng,

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai hteer hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án,

Đối chiếu lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với nội dung thể hiện tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc lập ngày 03/10/2017, Biên bản định giá T1 sản số 167/BB-ĐG ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá T1 sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc và những chứng cứ, T1 liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp nhau.

Do đó, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý T1 sản của chủ sở hữu, lén lút trộm 02 chân đèn trị giá 1.600.000 đồng theo Biên bản định giá T1 sản số 167/BB-ĐG ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá T1 sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc; mặc dù, giá trị T1 sản bị cáo đã chiếm đoạt dưới 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng bị cáo đã từng có tiền án về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T1 sản*” nên hành vi của bị cáo thỏa mãn mặt khách quan của tội “*Trộm cắp T1 sản*”. Bên cạnh đó, bị cáo là người có đủ

năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có thể thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Viện Kiểm sát về việc áp dụng quy định điểm đ, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo T.

Để có được T1 sản, người sở hữu phải trải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì vậy, quyền sở hữu của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật chế T1 bằng hình phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Xét về nhân Th1, bị cáo có một tiền án về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T1 sản*” chưa được xóa án tích. Cho nên, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội sau này, song song đó, cũng là để phát H1 tính rắn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thể hiện Th độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, gia đình thuộc thành phần lao động nghèo nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án, do vật chứng đã được trao trả cho người bị hại nên không đề cập giải quyết.

[8] Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo còn khai nhận có đem một khay trầm đem bán nhưng không biết ở đâu H có, khi không có ai mua nên bị cáo ném bỏ. Vì vậy không có căn cứ xác định Ttrộm cắp khay trầm và do trong quá trình điều tra H đã bỏ địa phương đi, chưa làm việc được với H.

Đối với người xe ôm tên B, không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, sẽ xử lý sau.

Đối với Huỳnh Quốc Th, Nguyễn Đông T1 và Huỳnh Thanh T2 cùng thực hiện hành vi trộm cắp T1 sản nhưng giá trị T1 sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Cảnh sát Điều tra đề nghị Công an thành phố Châu Đốc ra Quyết định xử phạt hành chính là có cơ sở.

Đối với ông Dương Văn L khi mua T1 sản không biết do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (T Còi) phạm tội: “*Trộm cắp T1 sản*”;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt: Trần Văn T (T Còi): 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 27/10/2017 (hai mươi bảy tháng mười năm hai nghìn không trăm mười bảy).

Áp dụng Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn T (T Còi) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo đối với các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Kiều Nga